

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT

Ngày 11 - 11 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị B, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị B: Bà C là Luật sư của Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị B.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Anh A và chị B xây dựng hôn nhân năm 2013, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O. Quá trình chung sống anh A và chị B bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B, chị B cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh A và chị B có hai người con chung là cháu A1, sinh ngày 21/01/2014 và cháu A2, sinh ngày 28/10/2015, hiện tại các cháu đang sống chung với chị B. Khi ly hôn anh A yêu cầu được nuôi cháu A1, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng; anh đồng ý giao cháu A2 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Anh A yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh A và chị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu A2, sinh ngày 28/10/2015 cho chị B được tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Giao cháu A1, sinh ngày 21/01/2014 cho anh A chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Buộc chị B có nghĩa vụ giao cháu A1 sinh ngày 21/01/2014 cho anh A nuôi dưỡng.

Anh A và chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A2, sinh ngày 28/10/2015 mỗi tháng 745.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2022) đến khi cháu A2 đủ 18 tuổi. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi cháu A1.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 11/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện O kháng nghị (Quyết định kháng nghị số 272/QĐ-VKS-DS), nội dung kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về người trực tiếp nuôi con chung, giao cả hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh A cấp dưỡng nuôi con cho cháu A1 theo luật định.

- Ngày 10/8/2022, bị đơn chị B kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu A1, sinh ngày 21/01/2014 và cháu A2, sinh

ngày 28/10/2015; không đồng ý giao cháu A1 sinh ngày 21/01/2014 cho anh A nuôi dưỡng; Yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O; Bị đơn chị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị B trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị B, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cả 02 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc giáo dục, buộc anh Thích cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 284; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị B; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu xử cho anh A được ly hôn với chị B; Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết do đương sự không đặt yêu cầu và tuyên về án phí. Xét thấy, anh A và chị B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu A1 và cháu A2, không đồng ý giao cháu Thanh Thúy cho anh A nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, anh A và chị B không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án quyết định.

[4] Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, con chung của anh chị là cháu A1, sinh ngày 21/01/2014, đã trên 07 tuổi nên cấp sơ thẩm đã hỏi rõ nguyện vọng của cháu A1 theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu A1 có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị B. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá nhiều yếu tố liên quan đến quyền lợi mọi mặt của cháu A1 để quyết định giao cháu A1 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo đúng quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “... *Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*...”. Ý kiến của con chung về việc muốn được sống với cha hay với mẹ đều được Tòa án các cấp xem xét khi giải quyết vụ án, nhưng nguyện vọng của con chung không phải là căn cứ duy nhất để giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Tòa án phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con mới là yếu tố quan trọng nhất để quyết định. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu A2, sinh ngày 28/10/2015 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, điều kiện kinh tế của chị B nếu phải trực tiếp nuôi hai con chung sẽ rất khó khăn, thu nhập của chị B thấp hơn so với anh A, sẽ không đảm bảo chăm sóc trực tiếp cả hai con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu A1 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi tốt nhất của cháu A1 và cháu A2, đảm bảo quyền bình đẳng của cả chị B và anh A trong việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Chị B kháng cáo yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không đồng ý giao cháu A1 cho anh A nuôi dưỡng nhưng chị B không chứng minh được anh A không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, căn cứ khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình quy định việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của cả cha và mẹ, “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau. Cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên*...”. Do đó, cấp sơ thẩm giao cháu A1 cho anh A, giao cháu A2 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cháu A1, cháu A2 và cả quyền, nghĩa vụ ngang nhau giữa anh A và chị B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại cấp phúc thẩm, chị B không cung cấp thêm chứng cứ khác. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc chị B giao cháu A1 cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bác kháng cáo của chị B về việc yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

[6] Nếu trong quá trình anh A hoặc chị B trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự có căn cứ chứng minh người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 284; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O.

[8] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cả hai con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Như đã phân tích trên, quyền và nghĩa vụ của cha và mẹ là ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Không có căn cứ chứng minh anh A không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó, không chấp nhận ý kiến đề xuất của Luật sư.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 284; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do chị B kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị B; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn với chị B.

2. Về con chung: Giao cháu A2, sinh ngày 28/10/2015 cho chị B được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu A1, sinh ngày 21/01/2014 cho anh A trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Buộc chị B có nghĩa vụ giao cháu A1 sinh ngày 21/01/2014 cho anh A nuôi dưỡng.

Anh A và chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A2, sinh ngày 28/10/2015 mỗi tháng 745.000đ, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2022) đến khi cháu A2 đủ 18 tuổi. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi cháu A1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ

bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh A phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng, anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005276 ngày 14/6/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án, anh A còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo Biên lai thu số 0005361 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện O (01 bản);
- CCTHADS huyện O (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt